UBND THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI

**TRƯỜNG THCS TIẾN THÀNH**

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN TOÁN LỚP 9 THEO CÔNG VĂN 4040**

**NĂM HỌC : 2021 – 2022**

1. **ĐẠI SỐ**

*Cả năm: 35 tuần x 2 tiết = 70 tiết*

*Học kì I: 18 tuần x 2 tiết = 36 tiết*

*Học kì II: 17 tuần x 2 tiết = 34 tiết*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Tuần** | **Tiết** | **Tên bài (chủ đề)** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Tích hợp** | **Điều chỉnh theo công văn 4040** |
| I.Căn bậc hai. Căn bậc ba  (14 tiết) | 1 | 1 | §1. Căn bậc hai | *1. Kiến thức:* HS biết thế nào là CBH. HS hiểu được khái niệm căn bậc hai của một số không âm, ký hiệu căn bậc hai, phân biệt được căn bậc hai dương và căn bậc hai âm của cùng một số dương, định nghĩa căn bậc hai số học.  *2. Kỹ năng:* HS thưc hiên được: Tính đựợc căn bậc hai của một số, vận dụng được định lý để so sánh các căn bậc hai số học. HS thực hiện thành thạo các bài toán về CBH.  *3. Thái độ*: Cẩn thận, chính xác, linh hoạt. | 1 | Trên lớp |  | ?2, ?5 và bài tập 5 không yêu cầu hs làm |
| 2 | §2. Căn thức bậc hai và hằng đẳng thức (t1) | *1. Kiến thức:* - HS biết dạng của CTBH và HĐT  .  - HS hiểu được căn thức bậc hai, biết cách tìm điều kiện xác định của . Biết cách chứng minh định lý  và biết vận dụng hằng đẳng thức  để rút gọn biểu thức.  *2. Kỹ năng:* HS thưc hiên được: Tính đựợc căn bậc hai của một số, vận dụng được định lý để so sánh các căn bậc hai số học. HS thực hiện thành thạo các bài toán về CBH.  *3. Thái độ*: Cẩn thận, chính xác, linh hoạt. | 2 | Trên lớp |  | Ghép và cấu trúc thành 01 bài “Căn thức bậc    Bài 13, 16 hs tự làm |
| 2 | 3 | §2. Căn thức bậc hai và hằng đẳng thức (t2) | *1. Kiến Thức*: Nắm vững kiến thức căn bậc hai và hằng đẳng thức  *2. Kĩ năng* : Vận dụng các kiến thức để giải các dạng toán như rút gọn, tìm x....  *3. Thái độ*: Cẩn thận, chính xác. |
| 4 | §3. Liên hệ giữa phép nhân và phép khai phương.(t1) | *1. Kiến thức:* Hiểu được nội dung và cách chứng minh định lý về liên hệ giữa phép nhân và phép khai phương.  *2. Kỹ năng:* Rèn luyện cho HS kỹ năng về khai phương của một tích và nhân các căn bậc hai trong tính toán và biến đổi biểu thức.  *3. Thái độ*: Cẩn thận, chính xác, linh hoạt | 2 | Trên lớp |  | -Ghép và cấu trúc thành 01 bài “Liên hệ giữaphép nhân và phép khai phương”  -Bài tập 21; 22; 24  Hs tự làm |
| 3 | 5 | §3. Liên hệ giữa phép nhân và phép khai phương.(t2) | *1. Kiến thức:* Củng cố cho HS các quy tắc khai phương một tích, qui tắc nhân các căn thức bậc hai  *2. Kỹ năng* : Rèn luyện cho HS kỹ năng tư duy như tính nhẩm, tính nhanh, chứng minh, rút gọn, tìm x.  *3. Thái độ*: Cẩn thận, chính xác, linh hoạt. |
| 6 | §4. Liên hệ giữa phép chia và phép khai phương(t1). | *1. Kiến thức:* HS hiểu được nội dung và cách chứng minh định lý về liên hệ giữa phép chia và phép khai phương.  *2. Kỹ năng:* Có kỹ năng dùng các qui tắc khai phương của một thương và chia các căn bậc hai trong tính toán và biến đổi biểu thức.  *3. Thái độ*: Cẩn thận, chính xác, linh hoạt. | 2 | Trên lớp |  | -  Ghép và cấu trúc thành 01 bài “Liên hệ giữaphép chia và phép khai phương”  -Bài tập 34; 36; 37 hs tự làm |
| 4 | 7 | §4. Liên hệ giữa phép chia và phép khai phương(t2) | *1. Kiến thức:* Củng cố cho HS kỹ các quy tắc khai phương một thương, chia các căn thức bậc hai để giải một số bài tập liên quan như tính toán và biến đổi các biểu thức chứa căn bậc hai.  *2. Kỹ năng:* HS được rèn luyện thành thạo các kỹ năng tư duy như tính nhẩm, tính nhanh, chứng minh, rút gọn, tìm x.  *3. Thái độ:* Cẩn thận, chính xác, linh hoạt. |
| 8 | §6,7. Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai (t1)   1. Đưa thừa số ra ngoài dấu căn 2. Đưa thừa số vào trong dấu căn | *1. Kiến thức:* Học sinh hiểu được cơ sở của việc đưa thừa số ra ngoài hay vào trong dấu căn  *2. Kĩ năng :* Rèn kĩ năng đưa 1 thừa số vào trong dấu căn hay đưa 1 thừa số ra ngoài dấu căn và vận dụng các phép biến đổi trên cơ sở đó áp dụng vào so sánh 2 số hay rút gọn biểu thức. Rèn luyện kĩ năng tính toán trình bày của HS  *3. Thái độ:* Cẩn thận, chính xác, linh hoạt | 4 | Trên lớp |  | -  Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “Biến đổi đơngiản biểu thức chứa căn thức bậc hai” gồm: 1. Đưa thừa số ra ngoài dấu căn 2. Đưa thừa số vào trong dấu căn 3. Khử mẫu của biểu thức lấy căn 4. Trục căn thức ở mẫu số  -Bài tập 51; 56; 57  Hs tự làm |
| 5 | 9 | §6,7. Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai (t2) | *1. Kiến thức:* Củng cố phép biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai. Rèn luyện kỹ năng đưa thừa số vào trong dấu căn, đưa thừa số ra ngoài dấu căn cho học sinh.  *2. Kỹ năng:* HS vận dụng phép biến đổi để thực hiện giải pháp các bài tập đơn giản.  *3. Thái độ:* Linh hoạt, cẩn thận |
| 10 | §6,7. Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai (t3)   1. Khử mẫu của biểu thức lấy căn 2. Trục căn thức ở mẫu | *1. Kiến thức :*  Học sinh hiểu được cách khử mẫu của biểu thức lấy căn và trục căn thức ở mẫu  *2. Kỹ năng:*  Rèn kĩ năng phối hợp và sử dụng các phép biến đổi đơn giản trên, kĩ năng tính toán và trình bày bài giải  *3. Thái độ:* Học sinh tích cực, chủ động trong học tập |
| 6 | 11 | §6,7. Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai (t4)  (Luyện tập khử mẫu của biểu thức lấy căn và trục căn thức ở mẫu) | *1. Kiến thức:* Học sinh được củng cố kiến thức về biến đổi đơn giản biểu thức có chứa căn bậc hai. Đưa thừa số ra ngoài dấu căn, đưa thừa số vào trong dấu căn, khử mẫu của biểu thức lấy căn và trục căn ở mẫu  *2. Kỹ năng:* Học sinh có kỹ năng thành thạo trong việc phối hợp và sử dụng các phép biến đổi trên  *3. Thái độ:* Linh hoạt, cẩn thận. |  |
| 12 | §8. Rút gọn biểu thức chứa căn thức bậc hai(t1) | *1. Kiến thức:* Củng cố lại cho HS tất cả các qui tắc và các phép biến đổi đã học: hằng đẳng thức, khai phương một tích, khai phương một thương, đưa thừa số ra ngoài dấu căn, đưa thừa số vào trong dấu căn, trục căn thức ở mẫu…  *2. Kỹ năng* : Học sinh biết phối hợp các kĩ năng biến đổi biểu thức chứa căn bậc hai vàbiết sử dụng kĩ năng biến đổi biểu thức chứa căn bậc để giải các bài toán liên quan.  *3. Thái độ:* Linh hoạt, sáng tạo, chính xác. | 2 | Trên lớp |  | -  Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “Rút gọn biểu thức chứa căn thức bậc hai”  -Bài 63 hs tự làm |
|  | 13 | §8. Rút gọn biểu thức chứa căn thức bậc hai(t2) | *1. Kiến thức*: Củng cố cho HS các phép biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn bậc hai.  *2. Kỹ năng* : Rèn luyện thành thạo các kỹ năng biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai (đưa thừa số ra ngoài dấu căn, đưa thừa số vào trong dấu căn, khử mẫu, trục căn thức ở mẫu,…) hình thành cách giải các dạng toán: Rút gọn biểu thức, chứng minh và tính giá trị biểu thức…và các bài toán liên quan  *3. Thái độ*: Cẩn thận , linh hoạt , sáng tạo. |
| 14 | §9. Căn bậc ba | *1. Kiến thức*: Học sinh hiểu được khái niệm căn bậc ba và kiểm tra được một số là căn bậc ba của một số khác . Hiểu được một số tính chất của căn bậc ba  *2. Kỹ năng:* Biết được cách tìm căn bậc ba của một số nhờ máy tính  *3. Thái độ:* Cẩn thận, chính xác, tập trung. | 1 | Trên lớp |  |  |
| II.Hàm số (13 tiết) | 8 | 15 | §1. Nhắc lại và bổ sung các khái niệm về hàm số. | *1*. *Kiến thức*: Ôn lại các khái niệm về “hàm số”, “ biến số”, các kí hiệu y = f(x); y= g(x)….  -Giá trị của hàm số y = f(x) là t.h tất cả các điểm biểu diễn các cặp gt tư (x;f(x) trên mặt phẳng toạ độ.  -Bước đầu nắm được khái niệm hàm số đồng biến trên R, nghịch biến trên R.  *2. Kĩ năng*: HS biết cách tính và tính thành thạo các giái trị của hàm số khi cho trước biến số, biết biểu diễn các cặp số (x;y) trên mặt phẳng toạ độ, biết vẽ thành thạo đồ thị hàm số y = ax.  *3. Thái độ*: Chú ý | 1 | Trên lớp |  | -  Ghép và cấu trúc thành 01 bài “Nhắc lại vàbổ sung các khái niệm về hàm số”.  -Bài tập 4 hs tự làm |
| 16 | §2,3. Hàm số bậc nhất (t1)  1. Khái niệm hàm số bậc nhất.  2. Tính chất | *1. Kiến thức:* Hiểu các khái niệm và các tính chất của hàm số bậc nhất.  *2. Kĩ năng*: Tìm được giá trị của a (hoặc b) khi viết 2 giá trị tương ứng x và y, và hệ số của a (hoặc b). Chỉ ra được tính đồng biến hay nghịch biến của hàm số bậc nhất y = ax+b dựa vào hệ số a.  *3. Thái độ*: HS thấy được mối liên hệ giữa toán học và thực tế, giúp học sinh yêu thích môn toán. | 3 | Trên lớp |  | -  Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “Hàm số bậc nhất” gồm: 1. Khái niệm hàm số bậc nhất 2. Tính chất 3. Đồ thị của hàm số bậc nhất - Không yêu cầu HS vẽ đồ thị hàm số hàm số y= ax + b với a, b là số vô tỉ.  -Bài 19: Khuyến khích hs tự làm |
| 9 | 17 | §2,3. Hàm số bậc nhất (t2)  3. Đồ thị của hàm số bậc nhất | *1. Kiến thức*: HS hiểu được đồ thị của hàm số y = ax + b  là một đường thẳng luôn cắt trục tung tại điểm có tung độ là b, song song với đường thẳng y = ax nếu  và trùng với đường thẳng y = ax nếu b = 0.  *2. Kĩ năng:* HS biết cách vẽ và vẽ đúng đồ thị hàm số bậc nhất y = ax + b.  *3. Thái độ*: Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác của HS |
| 18 | §2,3. Hàm số bậc nhất (t3)  Luyện tập về đồ thị của hàm số bậc nhất | *1. Kiến thức:* Nắm vững kiến thức đồ thị hàm số y = ax + b (a ≠0) là một đường thẳng luôn cắt trục tung tại điểm có tung độ là b, song song với đường thẳng y = ax nếu hoặc trùng với đường thẳng y = ax nếu b = 0.  *2. Kĩ năng:* HS vẽ thành thạo đồ thị y = ax + b bằng cách xác định hai điểm thuộc đồ thị (thường là hai giao điểm của đồ thị với hai trục toạ độ).  *3. Thái độ*: Cẩn thận trong việc xác định điểm và vẽ đường thẳng của đồ thị. |
| 10 | 19 | Ôn tập giữa học kì I | *1. Kiến thức*: Hs được cũng cố các kiến thức cơ bản về căn thức bậc hai có hệ thống.  *2. Kĩ năng*: Biết tổng hợp các kiến thức đã có để áp dụng giải các dạng toán phù hợp.  *3. Thái độ*: Nghiêm túc, chú ý. | 2 | Trên lớp |  |  |
| 20 | Ôn tập giữa học kì I (tt) | *1. Kiến thức*: Hs được cũng cố các kiến thức cơ bản về căn thức bậc hai, đồ thị hàm số.  *2. Kĩ năng*: Tiếp tục rèn luyện các kĩ năng về rút gọn biểu thức chứa căn thức bậc hai, tính giá trị của biểu thức, vẽ đồ thị hàm số.  *3. Thái độ*: Nghiêm túc, chú ý. | Trên lớp |  |  |
| 11 | 21 | Kiểm tra giữa học kì I | *1. Kiến thức :* Giúp học sinh khắc sâu kiến thức cơ bản kỳ I  *2. Kĩ năng*: Thông qua bài làm của HS ở tiết kiểm tra, để giáo viên nắm bắt được nội dung kiến thức của chương được Hs tiếp thu được ở mức độ nào. từ đó giáo viên có sự điều chỉnh, uốn nắn kịp thời cho HS, kể cả phương pháp làm bài và cách trình bày.  *3. Thái độ*: Giáo dục tính cẩn thận khi làm bài | 1 | Trên lớp |  |  |
| 22 | Trả bài kiểm tra giữa học kì I | Đánh giá mức độ tiếp thu kiến thức của hs  Đánh giá kĩ năng làm bài của hs thông qua việc trình bày bài làm của hs.  Giáo dục hs tính cẩn thận, chính xác khi làm bài kiểm tra. | 1 | Trên lớp |  |  |
| 12 | 23 | §4. Đường thẳng song song và đường thẳng cắt nhau(t1) | 1. Kiến thức: HS nắm vững điều kiện để hai đường thẳng y = ax + b (*a*0) và y = a’x + b’ (*a’*0) cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau.  2. Kĩ năng: HS biết vận dụng lý thuyết vào việc giải các bài toán tìm giá trị của các tham số đã cho trong các hàm số bậc nhất sao cho đồ thị của chúng là hai đường thẳng cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau.  3. Thái độ: Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác của HS. | 2 | Trên lớp |  | -  Ghép và cấu trúc thành 01 bài “Đường thẳngsong song và đường thẳng cắt nhau.”  -Bài tập 25; 26 hs tự làm |
| 24 | §4. Đường thẳng song song và đường thẳng cắt nhau(t2) | 1. Kiến thức: HS được củng cố điều kiện để hai đường thẳng y = ax + b (a) và y = a’x + b’(a’cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau.  2. Kĩ năng: HS biết xác định các hệ số a, b trong các bài toán cụ thể. Rèn kĩ năng vẽ đồ thị hàm số bậc nhất. Xác định được giá trị của các tham số đã cho trong các hàm bậc nhất sao cho đồ thị của chúng là hai đường thẳng cắt nhau, song song, trùmg nhau.  3. Thái độ: Tính cẩn thận trong xác định các hệ số và vẽ đồ thị |
| 13 | 25 | §5. Hệ số góc của đường thẳng . | 1. Kiến thức: - HS hiểu khái niệm hệ số góc của đường thẳng y = ax + b (a ≠ 0). Sử dụng hệ số góc của đường thẳng để nhận biết sự cắt nhau hoặc song song của hai đường thẳng cho trước.  2. Kĩ năng: HS biết tính góc  hợp bởi đường thẳng y = ax + b và trục Ox trong 2 trường hợp a > 0, a < 0  3. Thái độ: Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác của HS. | 1 | Trên lớp |  | -  Ghép và cấu trúc thành 01 bài “Hệ số góccủa đường thẳng”  -Ví dụ 2: không dạy.  Bài tập 31 hs tự làm, |
| 26 | Ôn tập chương II | 1. Kiến thức: Hệ thống hóa các kiến thức cơ bản của chương giúp HS hiểu sâu hơn, nhớ lâu hơn về các khái niệm hàm số, biến số, đồ thị của hàm số, khái niệm của hàm số bậc nhất y = ax + b, tính đồng biến, tính nghịch biến của hàm số bậc nhất. Giúp HS nhớ lại các điều kiện hai đường thẳng cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau, vuông góc với nhau.  2. Kĩ năng: Giúp HS vẽ thành thạo đồ thị của hàm số bậc nhất, xác định được hệ số góc đường thẳng y = ax + b và trục Ox, xác định hàm số y = ax + b thoả mãn đề bài.  3. Thái độ: Tính cẩn thận trong xác định điểm và vẽ đồ thị. | 2 | Trên lớp |  | Bài tập 37d, 38c tự học có hướng dẫn |
| 14 | 27 | Ôn tập chương II (tt) | 1. Kiến thức: Khắc sâu cho hs kiến thức chương II 2. Kĩ năng: Rèn luyện kĩ năng tính toán, vẽ hình 3. Thái độ: Giáo dục tính cẩn thạn, chính xác. | Trên lớp |  |
| III.Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn  (15 tiết) | 28 | §1. Phương trình bậc nhất hai ẩn | 1. *Kiến thức*: Nắm được khái niệm phương trình bậc nhất hai ẩn, nghiệm và cách giải phương trình bậc nhất 2 ẩn  2. *Kĩ năng*: Biết cách tìm công thức nghiệm tổng quát và vẽ đường thẳng biểu diễn tập nghiệm của một phương trình bậc nhất hai ẩn.  3. *Thái độ*: Liên hệ với phương trình bậc nhất một ẩn | 1 | Trên lớp |  |  |
| 15 | 29 | §2. Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn (t1) | *1. Kiến thức:* HS hiểu được khái niệm nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn. Khái niệm hai hệ phương trình tương đương.  *2. Kĩ năng****:*** Biết minh hoạ hình học nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn.  *3. Thái độ:* Chú ý, tập trung | 2 | Trên lớp |  | -  Ghép và cấu trúc thành 01 bài “Hệ haiphương trình bậc nhất hai ẩn”.  -Bài 10, 11 hs tự làm |
| 30 | §2. Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn (t2) | *1. Kiến thức:* Cũng cố kiến thức đã học về hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn.  *2. Kỹ năng:*HS biết vận dụnglý thuyết vào làm bài tập.  HS làm bài tập thành thạo.  *3.Thái độ:* HS có ý thức tự giác làm bài |
| 16 | 31 | §3. Giải hệ phương trình bằng phương pháp thế (t1) | *1. Kiến thức:* + Giúp HS hiểu cách biến đổi hệ phương trình bằng qui tắc thế. HS hiểu cách giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn bằng phương pháp thế trong tất cả các trường hợp.  *2. Kỹ năng:* HS biết giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn bằng phương pháp thế. *3. Thái độ:* HS không bị lúng túng khi gặp trường hợp đặc biệt (hệ vô nghiệm hoặc hệ có vô số nghiệm). | 2 | Trên lớp |  | -  Ghép và cấu trúc thành 01 bài “Giải hệphương trình bằng phương pháp thế”  -Bài tập 14; 17; 19 hs tự làm |
| 32 | §3. Giải hệ phương trình bằng phương pháp thế (t2) | *1-Kiến thức*: Ôn tập cho học sinh kiến thức cơ bản về căn bậc hai.  *2-Kĩ năng*: Tính giá trị biểu thức biến đổi biểu thức có chứa căn bậc hai, tìm x và các bài tập có liên quan đến rút gọn tổng hợp của biểu thức căn.  *3- Thái độ:* Có ý thức học tập tốt. |
| 17 | 33 | Ôn tập học kỳ I | *1-Kiến thức*: Ôn tập cho học sinh kiến thức cơ bản về căn bậc hai.  *2-Kĩ năng*: Tính giá trị biểu thức biến đổi biểu thức có chứa căn bậc hai, tìm x và các bài tập có liên quan đến rút gọn tổng hợp của biểu thức căn.  *3- Thái độ:* Có ý thức học tập tốt. | 2 | Trên lớp |  |  |
| 34 | Ôn tập học kỳ I (tt) | 1. Kiến thức: HS hiểu được đồ thị của hàm số y = ax + b  là một đường thẳng luôn cắt trục tung tại điểm có tung độ là b, song song với đường thẳng y = ax nếu  và trùng với đường thẳng y = ax nếu b = 0.  2. Kĩ năng: HS biết cách vẽ và vẽ đúng đồ thị hàm số bậc nhất y = ax + b.  3. Thái độ: Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác của HS. | Trên lớp |  |  |
| 18 | 35 | **Kiểm tra học kỳ I** | 1- Kiến thức: Đánh giá sự tiếp thu kiến thức chương I,II  2- Kĩ năng: Rèn kĩ năng vận dụng, tính toán  3- Thái độ: Rèn tính cẩn thận, chính xác | 2 | Trên lớp |  |  |
| 36 | Trả bài kiểm tra học kỳ I | Đánh giá mức độ tiếp thu kiến thức của hs  Đánh giá kĩ năng làm bài của hs thông qua các bài tập  Giáo dục tính cẩn thận, linh hoạt của hs qua các bài tập. | Trên lớp |  |  |
| 19 | 37 | §4. Giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số (t1) | 1-Kiến thức:- Giúp HS hiểu cách biết đổi hệ phương trình bằng quy tắc cộng đại số  -Hiểu cách giải hệ hai phương trình bậc nhấtt hai ẩn bằng phương pháp cộng đại số.  2-Kỹ năng: -Giải hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn bằng phương pháp cộng đại số  -Giải hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn bắt đầu nâng cao dần lên.  3-Thái độ: Yêu thích môn học, phát hiện cái hay của việc giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số | 2 | Trên lớp |  | -  Ghép và cấu trúc thành 01 bài “Giải hệphương trình bằng phương pháp cộng”  -Bài tập 21; 23 hs tự làm |
| 38 | §4. Giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số (t2) | 1-Kiến thức: Giúp HS nắm vững hơn phương pháp giải hệ phương trình bằng quy tắc cộng đại số  2-Kỉ năng: Giải thành thạo các hệ phương trình bậc nhất hai ẩn bằng phương pháp cộng đại số .  3-Thái độ: Yêu thích môn học, phát hiện cái hay của việc giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số |
| 20 | 39 | §5. Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình (t1)   1. Các bước giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình 2. Ví dụ | *1-Kiến thức*: HS hiểu được phương pháp giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình bậc nhất hai ẩn .  *2-Kĩ năng*: Hs có kỹ năng giải các loại toán được đề cập đến trong SGK như: Toán về phép viết số, quan hệ số, toán chuyển động  *3-Thái độ*: Giáo dục hs tính cẩn thận. | 4 | Trên lớp |  | -  Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “Giải bài toánbằng cách lập hệ phương trình” gồm: 1. Các bước giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình. 2. Ví dụ  -?7, bài tập 35; 38 hs tự làm |
| 40 | §5. Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình (t2) | 1+ Kiến thức: Củng cố kiến thức cách giải toán bằng cách lập hệ phương trình: Toán về phép viết số, quan hệ số, toán chuyển động, toán thực tế,…  2+ Kĩ năng: -Rèn kĩ năng giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình.  -HS biết cách phân tích các đại lượng trong bài bằng cách thích hợp, lập được hệ phương trình và biết cách trình bày bài toán.  3+ Thái độ: Cung cấp cho HS kiến thức thực tế và thấy được ứng dụng của toán học vào đời sống. |
| 21 | 41 | §5. Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình (t3) | *1- Kiến thức*: HS hiểu được phương pháp giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình bậc nhất hai ẩn .  *2- Kĩ năng*: Hs có kỹ năng giải các loại toán được đề cập đến trong SGK như: Toán về năng suất, về làm chung làm riêng.  *3- Thái độ*: chú ý, cẩn thận, yêu thích giải toán |
| 42 | §5. Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình (t4) | *1-Kiến thức*: củng cố được phương pháp giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình bậc nhất hai ẩn .  *2-Kĩ năng*: - Hs có kỉ năng giải các loại toán được đề cập đến trong SGK như: Toán về phép viết số, quan hệ số, toán chuyển động. Vận dụng thành thạo cách giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình.  -Rèn kỹ năng linh hoạt khi giải toán , thấy rõ ứng dụng của toán học khi giải các BT thực tiễn.  *3- Thái độ*: Giáo dục hs chú ý, cẩn thận khi làm bài |
| IV.  Hàm số  y = ax2 (a ≠ 0).  Phương trình bậc hai một ẩn  (28 tiết) | 22 | 43 | §1. Hàm số y = ax2  (a ≠ 0) (t1)   1. Ví dụ mở đầu 2. Tính chất của hàm số y = ax2 (a ≠ 0) | *1. Kiến thức* : Học sinh thấy được trong thực tế có những hàm số dạng y = ax2 (a0). Nắm được tính chất và nhận xét về hàm số y = ax2 (a0).  *2. Kỹ năng* : Học sinh biết cách tính giá trị của hàm số tương ứng với giá trị cho trước của biến số.  *3. Thái độ* ***:*** Học sinh thấy được liên hệ hai chiều của toán học với thực tế: toán học xuất phát từ thực tế và nó quay trở lại phục vụ thực tế | 3 | Trên lớp  Trên lớp  Trên lớp |  | -  Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “Hàm số y =ax2 (a ≠ 0)” gồm: 1. Ví dụ mở đầu 2. Tính chất của hàm số y = ax2 (a ≠ 0). 3. Đồ thị của hàm số y = ax2 (a ≠ 0) - Chỉ yêu cầu vẽ đồ thị của hàm số y = ax2 (a0). với a là số hữu tỉ.  -Bài tập 5; 6c,d; 10 hs tự làm |
| 44 | §1. Hàm số y = ax2  (a ≠ 0) (t2)   1. Đồ thị của hàm số   y = ax2 (a ≠ 0) | *1.Kiến thức:*  + Học sinh biết được dạng đồ thị của hàm số y = ax2 (a0) và phân biệt đựơc chúng trong hai trường hợp a > 0 và a < 0.  + Nắm vững tính chất của đồ thị và liên hệ được tính chất của đồ thị với tính chất của hàm số.  *2. Kỹ năng***:** Biết cách vẽ đồ thị của hàm số y = ax2 (a0).  *3. Thái độ***:** + Hình thành thói quen làm việc cẩn thận, chính xác, khoa học. Phát triển t­ư duy logic, sáng tạo.  + Phát triển tư duy toán học cho học sinh |
| 23 | 45 | §1. Hàm số y = ax2  (a ≠ 0) (t3)  Luyện tập | *1. Kiến thức* : Học sinh được củng cố nhận xét về đồ thị hàm số y = ax2 (a0) qua việc vẽ đồ thị hàm số y = ax2 (a0).  *2. Kỹ năng* : Học sinh được rèn kỹ năng vẽ đồ thị hàm số y = ax2 (a0), kỹ năng ước lượng các giá trị hay ước lượng vị trí của một số điểm biểu diễn các số vô tỉ.  *3. Thái độ* : Học sinh được biết thêm mối quan hệ chặt chẽ của hàm số bậc nhất và hàm số bậc hai để sau này có thêm cách tìm nghiệm phương trình bậc hai bằng đồ thị, cách tìm giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất qua đồ thị |
| 46 | §2. Phương trình bậc hai một ẩn. Luyện tập | *1. Kiến thức* ***:***  Học sinh nắm được định nghĩa phương trình bậc nhất một ẩn: dạng tổng quát, dạng đặc biệt khi b hoặc c bằng 0 hoặc cả b và c bằng 0. Luôn chú ý nhớ a  0.  *2. Kỹ năng* ***:*** Học sinh biết phương pháp giải riêng các phương trình bậc hai dạng đặc biệt và giải thành thạo các phương trình dạng đó. Biết biến đổi phương trình dạng tổng quát ax2 + bx + c (a  0) để được một phương trình có vế trái là một bình phương, vế phải là hằng số.  *3. Thái độ :*Hình thành thói quen làm việc cẩn thận, chính xác, khoa học. Phát triển t­ư duy logic, sáng tạo | 1 | Trên lớp |  | -  Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “Phương trìnhbậc hai một ẩn”  -?5; ?6; ?7  Không yêu cầu hs làm |
| 24 | 47 | §3,4. Công thức nghiệm của phương trình bậc hai (t1)   1. Công thức nghiệm của phương trình bậc hai | *1. Kiến thức****: -*** Học sinh nhớ biệt thức  = b2 - 4ac và nhớ kỹ điều kiện của  để phương trình bậc hai một ẩn vô nghiệm, có nghiệm kép, có hai nghiệm phân biệt.  *2. Kỹ năng****: -*** Học sinh nhớ và vận dụng được công thức nghiệm tổng quát của phương trình bậc hai vào giải phương trình bậc hai.  Rèn kỹ năng giải phương trình bậc hai cho học sinh.  *3.Thái độ****: -*** Hình thành thói quen làm việc cẩn thận, chính xác, khoa học. Phát triển t­ư duy logic, sáng tạo | 3 | Trên lớp |  | -  Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “Công thứcnghiệm của phương trình bậc hai” gồm: 1. Công thức nghiệm của phương trình bậc hai 2. Công thức nghiệm thu gọn. của phương trình bậc hai  -Bài tập 18; 19; 21 hs tự làm |
| 48 | §3,4. Công thức nghiệm của phương trình bậc hai (t2)   1. Công thức nghiệm thu gọn của phương trình bậc hai | *1.Kiến thức* ***:***  + Học sinh thấy được lợi ích của công thức nghiệm thu gọn.  + Nắm chắc công thức nghiệm thu gọn.  *2.Kỹ năng* ***:***  + Học sinh biết tìm b’ và biết tính , x1, x2 theo công thức ghiệm thu gọn.  + Học sinh nhớ và vận dụng tốt công thức nghiệm thu gọn.  *3.Thái độ*+ Phát triển cho học sinh tư duy toán học.  + Hình thành thói quen làm việc cẩn thận, chính xác, khoa học. Phát triển t­ư duy logic, sáng tạo |  |
| 25 | 49 | §3,4. Công thức nghiệm của phương trình bậc hai (t3)  Luyện tập | *1. Kiến thức*: HS được cũng cố các điều kiện của , ,để phương trình bậc hai một ẩn vô nghiệm, có nghiệm kép, có hai nghiệm phân biệt.  +Thấy được lợi ích của công thức nghiệm thu gọn và thuộc kĩ công thức nghiệm thu gọn.  *2. Kĩ năng*: HS vận dụng thành thạo công thức nghiệm, công thức nghiệm thu gọn để giải phương trình bậc hai.  *3. Thái độ*: phát triển tư duy sáng tạo của học sinh |  |
| 50 | §4. Hệ thức Vi- ét và ứng dụng (t1)   1. Hệ thức Vi - ét | *1. Kiến thức* ***:***+ Học sinh nắm vững hệ thức Viét ; và các ứng dụng của hệ thức Viét .  *2. Kỹ năng*+ Học sinh vân dụng được ứng dụng của định lí Viét :  + Biết nhẩm nghiệm của phương trìng bậc hai trong các trường hợp  a + b + c = 0 ; a – b + c = 0 hoặc trường hợp tổng và tích của hai nghiệm là những số nguyên với giá trị tuyệt đối không quá lớn.  + Tìm được hai số khi biết tổng và tích của chúng.  *3.Thái độ****:*** Hình thành thói quen làm việc cẩn thận, chính xác, khoa học. Phát triển t­ư duy logic, sáng tạo | 1 | Trên lớp |  | -  Ghép và cấu trúc thành 01 bài “Hệ thức Vi-étvà ứng dụng.”  -Bài 33: khuyến khích học sinh tự làm |
| 26 | 51 | Ôn tập giữa học kì II | *1. Kiến thức*: Củng cố các kiến thức đã học trong chương, đặc biệt chú ý:  *2. Kĩ năng*: + Biểu diễn tập nghiệm của phương trình và hệ phương trình bậc nhất hai ẩn cùng với minh học hình học của chúng.  + Các phương pháp giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn: phương pháp thế, phương pháp cộng đại số.  + Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình.  +Nâng cao kĩ năng phân tích bài toán, trình bày bài toán qua các bước.  *3.Thái độ*: Giáo dục tính cẩn thận khi làm bài |  |  |  |  |
| 52 | Ôn tập giữa học kì II(tt) | *1. Kiến thức* ***:*** Hệ thống lại kiến thức của học sinh về đồ thị hàn số y=ax2, phương trình bậc hai một ẩn và cách giải, hệ thức Vi- ét và ứng dụng.  *2. Kỹ năng* ***:*** Kiểm tra rèn kỹ năng vận dụng của học sinh về đồ thị hàn số y=ax2, phương trình bậc hai một ẩn và cách giải, hệ thức Vi- ét và ứng dụng.  *3.Thái độ* ***:*** Giáo dục tính cẩn thận, phát huy tính sáng tạo của hs. |  |  |  |  |
| 27 | 53 | Kiểm tra giữa học kì II | *1. Kiến thức* ***:*** Kiểm tra đánh giá lại kiến thức của học sinh về đồ thị hàn số y=ax2, phương trình bậc hai một ẩn và cách giải, hệ thức Vi- ét và ứng dụng.  *2. Kỹ năng* ***:*** Kiểm tra đánh giá kỹ năng vận dụng của học sinh về đồ thị hàn số y=ax2, phương trình bậc hai một ẩn và cách giải, hệ thức Vi- ét, giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình  *3. Thái độ* ***:*** Rèn cho học sinh thái độ trung thực, tự tin trong khi kiểm tra. |  | Trên lớp |  |  |
| 54 | Trả bài kiểm tra giữa học kì II | Đánh giá mức độ tiếp thu kiến thức của hs  Đánh giá kĩ năng làm bài của hs thông qua các bài tập  Giáo dục tính cẩn thận, linh hoạt của hs qua các bài tập. |  | Trên lớp |  |  |
| 28 | 55 | §4. Hệ thức Vi- ét và ứng dụng (t2)  Luyện tập Hệ thức Vi- ét | *1. Kiến thức* : + Học sinh củng cố hệ thức Viét và các ứng dụng của nó .  *2. Kỹ năng* : + Rèn luyện kỹ năng vận dụng hệ thức Viét để:  + Tính tổng, tích các nghiệm của phương trình bậc hai.  + Nhẩm nghiệm của phương trình trong các trường hợp có a + b + c = 0;  a – b + c = 0 hoặc qua tổng, tích của hai nghiệm (Hai nghiệm là những số nguyên không quá lớn)  *3.Thái độ* :+ Hình thành thói quen làm việc cẩn thận, chính xác, khoa học.  + Học sinh thấy được lợi ích của hệ thức Viét | 3 | Trên lớp |  |  |
| 56 | §4. Hệ thức Vi- ét và ứng dụng (t3)   1. Tìm hai số biết tổng và tích của chúng | *1. Kiến thức* ***:***+ Học sinh nắm vững hệ thức Viét ; và các ứng dụng của hệ thức Viét .  *2. Kỹ năng :*+ Tìm được hai số khi biết tổng và tích của chúng  *3. Thái độ:*Hình thành thói quen làm việc cẩn thận, chính xác, khoa học. Phát triển t­ư duy logic, sáng tạo |
| 29 | 57 | §6. Hệ thức Vi- ét và ứng dụng (t4)  Luyện tập | *1. Kiến thức :*+ Học sinh củng cố hệ thức Viét và các ứng dụng của nó  *2. Kĩ năng:+* Tìm hai số biết tổng và tích của nó.  + Lập pt biết hai nghiệm của nó.  + Phân tích đa thức thành nhân tư nhờ nghiệm của nó  *3.Thái độ:*Hình thành thói quen làm việc cẩn thận, chính xác, khoa học. Phát triển t­ư duy logic, sáng tạo |
| 58 | §7. Phương trình quy về phương trình bậc hai (t1) | *1. Kiến thức:* Học sinh biết cách giải một số dạng phương trình quy được về phương trình bậc hai như: phương trình trùng phương, phương trình có chứa ẩn ở mẫu thức, một vài dạng phương trình bậc cao có thể đưa về phương trình tích hoặc giải được nhờ ẩn phụ.  *2. Kỹ năng:*Học sinh ghi nhớ khi giải phương trình chứa ẩn ở mẫu thức trước hết phải tìm điều kiện của ẩn và phải kiểm tra đối chiếu điều kiện để chọn nghiệm thoả mãn điều kiện đó.  +Học sinh được rèn kĩ năng phân tích đa thức thành nhân tử để giải phương  trình tích.  *3.Thái độ:*Hình thành thói quen làm việc cẩn thận, chính xác, khoa học. Phát triển t­ư duy logic, sáng tạo |  | Trên lớp |  | -  Ghép và cấu trúc thành 01 bài “Phương trìnhquy về phương trình bậc hai”.  -Bài 38; 39  Hs tự làm |
| 30 | 59 | §7. Phương trình quy về phương trình bậc hai (t2) | *1. Kiến thức*: + Học sinh biết cách giải một số dạng phương trình quy được về phương trình bậc hai như: phương trình trùng phương, phương trình có chứa ẩn ở mẫu thức, một vài dạng phương trình bậc cao có thể đưa về phương trình tích hoặc giải được nhờ ẩn phụ.  *2. Kỹ năng:* **+** Học sinh ghi nhớ khi giải phương trình chứa ẩn ở mẫu thức trước hết phải tìm điều kiện của ẩn và phải kiểm tra đối chiếu điều kiện để chọn nghiệm thoả mãn điều kiện đó.  +Học sinh được rèn kĩ năng phân tích đa thức thành nhân tử để giải phương trình tích.  *3.Thái độ:* Phát triển tư duy toán cho học sinh.  + Hình thành thói quen làm việc cẩn thận, chính xác, khoa học. Phát triển t­ư duy logic, sáng tạo | 1 | Trên lớp |  |  |
| 60 | §8. Giải bài toán bằng cách lập phương trình (t1) | *1.Kiến thức* ***:***+ Học sinh biết chọn ẩn, đặt điều kiện cho ẩn.  + Học sinh biết phân tích mối quan hệ giữa các đại lượng để lập phương trình bài toán.  + Học sinh biết trình bày bài giải của một bài toán bậc hai.  *2.Kỹ năng* ***:***+ Rèn cho học sinh biết phân tích mối quan hệ giữa các đại lượng để lập phương trình bài toán.  + Rèn cách trình bày bài giải của một bài toán bậc hai.  *3.Thái độ****:*** Hình thành thói quen làm việc cẩn thận, chính xác, khoa học. Phát triển t­ư duy logic, sáng tạo | 3 | Trên lớp |  | -  Ghép và cấu trúc thành 01 bài “Giải bài toánbằng cách lập phương trình”  -Bài tập 44; 45; 52; 53  Không yêu cầu hs làm |
| 31 | 61 | §8. Giải bài toán bằng cách lập phương trình (t2) | *1. Kiến thức* : Học sinh củng cố giải phương trình trình bậc hai thông qua giải bài toán bằng cách lập phương trình .  *2. Kỹ năng* ***:*** + Học sinh được rèn luyện kĩ năng giải bài toán bằng cách lập phương trình qua bướcphân tích đề bài, tìm ra mối liên hệ giữa các dữ kiện trong bài trong bài toán để lập pt.  + Học sinh biết trình bày bài giải của một bài toán bậc hai.  *3.Thái độ* : Hình thành thói quen làm việc cẩn thận, chính xác, khoa học. Phát triển t­ư duy logic, sáng tạo |
| 62 | §8. Giải bài toán bằng cách lập phương trình (t3) | *1. Kiến thức* : Học sinh củng cố giải phương trình trình bậc hai thông qua giải bài toán bằng cách lập phương trình .  *2. Kỹ năng* ***:*** + Học sinh được rèn luyện kĩ năng giải bài toán bằng cách lập phương trình qua bướcphân tích đề bài, tìm ra mối liên hệ giữa các dữ kiện trong bài trong bài toán để lập pt.  + Học sinh biết trình bày bài giải của một bài toán bậc hai.  *3.Thái độ* : Hình thành thói quen làm việc cẩn thận, chính xác, khoa học. Phát triển t­ư duy logic, sáng tạo |
| 32 | 63 | Ôn tập chương IV | *1.Kiến thức****:*** - Ôn tập một cách hệ thống kiến thức của chương:  + Tính chất và dạng đồ thị của hàm số y = ax2 (a  0)  + Các công thức nghiệm của phương trình bậc hai  + Hệ thức Vi-ét và vận dụng để tính nhẩm nghiệm phương trình bậc hai. Tìm hai số biết tổng và tích của chúng.  - Giới thiệu với học sinh giải phương trình bậc hai bằng đồ thị (bt54,55)  *2. Kỹ năng****:*** - Rèn luyện kỹ năng giải phương trình bậc hai, trùng phương, phương trình chứa ẩn ở mẫu, phương trình tích.  *3. Thái độ* : Hình thành thói quen làm việc cẩn thận, chính xác, khoa học. Phát triển t­ư duy logic, sáng tạo | 2 | Trên lớp |  | Bài tập 63; 64; 65; 66  khuyến khích học sinh tự làm |
| 64 | Ôn tập chương IV (tt) | *1. Kiến thức* + Giới thiệu giải phương trình bậc hai bằng đồ thị.  *2. Kỹ năng* + HS giải thông thạo phương trình bậc hai ở các dạng: ax2 + bx = 0; ax2 + c = 0  ax2 + bx + c = 0 và vận dụng tốt công thức nghiệm trong cả hai trường hợp  và  + HS có kĩ năng giải thành thạo trong việc giải bài toán bằng cách lập phương trình.  *3.Thái độ* : Hình thành tính cẩn thận, chính xác, khoa học. Phát triển t­ư duy logic, sáng tạo | Trên lớp |  |  |
| 33 | 65 | Ôn tập học kì II | *1. Kiến thức :* - Ôn tập một cách hệ thống kiến thức của chương II và IV:  *2. Kỹ năng****:*** - Rèn luyện kỹ năng giải phương trình bậc hai, hệ phương trìnhbậc nhất hai ẩn, phương trình trùng phương, phương trình chứa ẩn ở mẫu, phương trình tích.  *3. Thái độ* : Hình thành thói quen làm việc cẩn thận, chính xác, khoa học. Phát triển t­ư duy logic, sáng tạo | 2 | Trên lớp |  |  |
| 66 | Ôn tập học kì II (tt) | *1. Kiến thức****:*** - Ôn tập một cách hệ thống kiến thức của chương II và IV:  *2. Kỹ năng****:*** - Rèn luyện kỹ năng vẽ đồ thị hàm số bậc hai, hệ phương trình bậc nhất hai ẩn, phương trình trùng phương, phương trình chứa ẩn ở mẫu, phương trình tích.  *3. Thái độ* : Hình thành thói quen làm việc cẩn thận, chính xác, khoa học. Phát triển t­ư duy logic, sáng tạo | Trên lớp |  |  |
| 34 | 67 | Ôn tập cuối năm | *1. Kiến thức :* - Học sinh được ôn các kiến thức thông qua các bài tập  *2. Kỹ năng* ***:*** - Học sinh biết vận dụng linh hoạt các kiến thức đã học cào giải toán.  *3. Thái độ* : Hình thành thói quen làm việc cẩn thận, chính xác, khoa học. Phát triển t­ư duy logic, sáng tạo | 2 | Trên lớp |  |  |
| 68 | Ôn tập cuối năm (tt) | Trên lớp |  |  |
| 35 | 69 | Kiểm tra học kì II | *1. Kiến thức*: Đánh giá quá trình lĩnh hội kiến thức của hs  *2. Kĩ năng*: Đánh giá được kĩ năng trình bày bài làm của hs  *3. Thái độ*: Giáo dục hs tính cẩn thận khi làm bài, vẽ hình, trình bày bài làm | 2 | Trên lớp |  |  |
| 70 | Trả bài kiểm tra học kì II | *1.Kiến thức*: Đánh giá mức độ tiếp thu kiến thức của hs  *2.Kĩ năng*: Đánh giá kĩ năng làm bài của hs thông qua các bài tập  *3.Thái độ:* Giáo dục tính cẩn thận, linh hoạt của hs qua các bài tập. | Trên lớp |  |  |

**TỔ TRƯỞNG DUYỆT CỦA BGH**

**Trịnh Thị Lan**

**Phạm Anh Quang**